

Đánh giá vị trí của Việt Nam về chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu giai đoạn 2012-2022

Hoàng Triệu Huy
Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế

Trong hơn 30 năm, Việt Nam đã thành công trong việc khai thác các lợi thế về lao động và các lợi thế khác để tăng trưởng kinh tế. Với chiến lược hướng về xuất khẩu, Việt Nam đã trở thành nền kinh tế có độ mở lớn nhất trong các nền kinh tế trên 50 triệu dân. Điều này góp phần vào tốc độ tăng trưởng kinh tế được duy trì trên 6% một năm trong hơn 30 năm qua. Việt Nam từ một nước có thu nhập thấp đã gia nhập nhóm các nước có thu nhập trung bình thấp vào năm 2010 và tiếp tục cải thiện sau đó.

1. Mở đầu

Trong những năm gần đây, đã có những khó khăn nhất định đối với hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam. Tốc độ tăng xuất khẩu những tháng đầu năm 2023 đã giảm so với các năm trước đó. Một số ngành thâm dụng lao động đã tăng trưởng âm, hay suy giảm lượng xuất khẩu trong những tháng đầu năm 2023. Sự suy giảm này cũng ngụ ý rằng đã có sự suy giảm nhất định trong lợi thế của Việt Nam về lao động. Do đó, Việt Nam cần có những lợi thế mới để duy trì khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới.

Một trong những lợi thế cạnh tranh có tiềm năng lớn là đổi mới sáng tạo. Thực tế, từ năm 2014, hàng năm, Chính phủ đều có Nghị quyết về cải thiện môi trường kinh doanh và tăng cường năng lực cạnh tranh, trong đó có các chỉ tiêu cụ thể về đổi mới sáng tạo dựa trên chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (Global Innovation Index- GII) (CSDMSTTC). Đồng thời, các mục tiêu về xếp hạng CSDMSTTC còn được đề cập trong các chính sách khác như Chiến lược Quốc gia về Cách mạng Công nghệ lần thứ tư đến năm 2030, Chiến lược Phát triển Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo đến năm 2030.

Do đó, để cải thiện hơn nữa năng lực đổi mới sáng tạo cũng như cải thiện xếp hạng của Việt Nam về CSDMSTTC, một vấn đề quan trọng là nghiên cứu chi tiết xếp hạng của Việt Nam trong các cấu phần của CSDMSTTC. Điều này sẽ chỉ ra được, Việt Nam cần đặt trọng tâm cải thiện vào cấu phần nào nhằm cải thiện tổng thể năng lực đổi mới, sáng tạo và cải thiện vị trí xếp hạng của Việt Nam.

2. Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu

CSDMSTTC được trường kinh doanh INSEAD (Cộng hòa Pháp) giới thiệu vào năm 2007 nhằm đo lường và xếp hạng năng lực đổi mới sáng tạo của các nền kinh tế trên thế giới. Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO) tham gia và đồng công bố từ năm 2012.

Năm 2013 có sự tham gia của Đại học Cornell. Từ năm 2021, GII được WIPO chịu trách nhiệm công bố chính (WIPO, 2021).

Do không có đủ số liệu nên số nền kinh tế được xếp hạng trong báo cáo thay đổi. Số nền kinh tế được xếp hạng năm 2012 là 142 nhưng giảm xuống còn 129 vào năm 2019 và tăng nhẹ trở lại 132 nền kinh tế vào năm 2022.

Việc đo lường đổi mới sáng tạo ở cấp độ vi mô một cách trực tiếp ở nhiều nền kinh tế khác nhau tương đối khó khăn. Do đó, GII đo lường tổng hợp các vấn đề liên quan đến đổi mới sáng tạo của các nền kinh tế từ môi trường, cơ sở hạ tầng (các đầu vào) và các đầu ra liên quan. Cần lưu ý rằng khái niệm đổi mới sáng tạo được áp dụng nhiều hơn ở khía cạnh vi mô. Do đó, để có các đo lường về đổi mới sáng tạo ở cấp độ vi mô ở phần lớn các nền kinh tế theo thời gian là một vấn đề cần nguồn lực lớn. Do đó, các đầu ra trong CSDMSTTC là các đầu ra có tính đại diện và thay thế.

Với cách tiếp cận này, CSDMSTTC được chia thành hai tiểu chỉ số (sub-index), tiểu chỉ số đầu ra và tiểu chỉ số đầu vào. Mỗi một tiểu chỉ số được chia thành các trụ cột, tiểu chỉ số đầu vào có 5 trụ cột bao gồm, thể chế, vốn con người và nghiên cứu, cơ sở hạ tầng, mức độ tinh thông của thị trường và mức độ tinh thông của doanh nghiệp. Đây được coi là các nhân tố chính ảnh hưởng đến năng lực đổi mới sáng tạo của các tác nhân trong nền kinh tế. Trong khi đó hai trụ cột của tiểu chỉ số đầu ra là đầu ra tri thức và công nghệ và đầu ra sáng tạo. Mặc dù số trụ cột khác nhau giữa hai tiểu chỉ số nhưng trọng số của hai tiểu chỉ số khi tính toán GII là như nhau.

Để tính toán giá trị của các trụ cột, CSDMSTTC dựa trên các chỉ tiêu của các nền kinh tế. Các chỉ tiêu này được lựa chọn để phản ánh các nhóm trong mỗi trụ cột. Các chỉ tiêu được tổng hợp thành các nhóm và các nhóm được tổng hợp thành các trụ cột. Đến lượt nó, các trụ cột được tổng hợp thành các tiểu chỉ số.

3. Xếp hạng CSDMSTTC của Việt Nam

3.1. Xếp hạng CSDMSTTC nói chung

Xu hướng cải thiện xếp hạng CSDMSTTC của Việt Nam thể hiện rõ ràng qua các năm. Giai đoạn xếp hạng tăng tốt nhất là giai đoạn 2013-2017, trong giai đoạn này Việt Nam đã tăng được 29 bậc trong bảng xếp hạng, từ vị trí 76 lên vị trí 47. Điều này một phần có thể do thay đổi các chỉ số trong các trụ cột của chỉ số GII dẫn đến xếp hạng của các nền kinh tế có thể thay đổi. Tuy nhiên, không thể phủ nhận được sự tiến bộ của Việt Nam.

Bắt đầu từ năm 2019, Việt Nam đứng đầu trong danh sách các nền kinh tế thu nhập trung bình thấp. Vị trí này được giữ đến năm 2021 và năm 2022, Việt Nam sau Ấn Độ trong danh sách này. Điều này thể hiện sự vượt trội của Việt Nam so với các nền kinh tế cùng mức thu nhập. Việt Nam cùng với Ấn Độ, Kenya và Moldova là 4 nền kinh tế có 11 năm liên tiếp (2011-2021) là những nền kinh tế đạt được sự sáng tạo.

So với các quốc gia Đông Nam Á, thứ hạng của Việt Nam có sự biến động nhất định qua thời gian. Vào năm 2012, Việt Nam xếp thứ 4, sau Singapore, Malaysia và Thailand. Tuy nhiên, vào năm 2015, Việt Nam ở vị trí 52 đã xếp trên Thailand ở vị trí 55 trong danh sách xếp hạng để đứng thứ 3 trong các nền kinh tế Đông Nam Á. Việt Nam tiếp tục xếp trên Thailand cho đến năm 2020 và năm 2021, Việt Nam đã xếp dưới Thailand trong danh sách xếp hạng.

Kết quả danh sách xếp hạng của Việt Nam trong khu vực Đông Nam Á cũng cho thấy, từ năm 2019 Việt Nam đã không cải thiện được vị trí xếp hạng của mình. Thậm chí, có sự tụt lùi nhất định với vị trí 48 năm 2022, giảm 6 bậc so với năm 2019. Tất nhiên, việc cải thiện xếp hạng khi thứ hạng càng cao, càng khó khăn hơn do các nền kinh tế bên trên đều có tiềm lực vượt trội so với Việt Nam. Tuy nhiên, việc suy giảm nhất định cho thấy Việt Nam cần cải thiện hơn nữa các yếu tố đổi mới, sáng tạo.

Một đặc điểm nổi bật khác trong xếp hạng của Việt Nam là xếp hạng tiểu chỉ số đầu ra luôn có thứ hạng tốt hơn tiểu chỉ số đầu vào. Điều này ngụ ý, Việt Nam có hiệu quả trong đổi mới sáng tạo. Thực tế, Việt Nam đã cải thiện mạnh hiệu quả đổi mới sáng tạo trong giai đoạn 2012-2015 và đạt được vị trí thứ 5 về hiệu quả đổi mới sáng tạo vào năm 2015. Điều này một phần do xuất khẩu hàng hóa công nghệ cũng như các sản phẩm trên mạng internet của Việt Nam vượt trội so với các nền kinh tế cùng mức thu nhập.

Tuy nhiên, hiệu quả đổi mới sáng tạo của Việt Nam có xu hướng giảm dần. Điều này thể hiện, xếp hạng về tiểu chỉ số đầu vào của Việt Nam vẫn tiếp tục cải thiện về mặt xếp hạng trong giai đoạn 2019-

2022, nhưng xếp hạng đầu ra không cải thiện. Đây là nguyên nhân dẫn đến xếp hạng tổng thể của Việt Nam không được cải thiện kể từ năm 2019.

3.2. Xếp hạng các trụ cột

Phần trên đã phân tích xếp hạng của CSDMSTTC nói chung và các tiểu chỉ số. Phần này, chi tiết xếp hạng của các trụ cột trong các tiểu chỉ số sẽ được phân tích. Đồng thời, các chỉ tiêu nổi bật có ảnh hưởng đến các trụ cột sẽ được phân tích và thảo luận.

Xếp hạng các trụ cột đầu vào của Việt Nam có thể chia làm hai nhóm, nhóm kém khả quan bao gồm thể chế, cơ sở hạ tầng, và vốn con người và nghiên cứu. Các trụ cột thuộc nhóm này có thứ tự đối cao, xấp xỉ vị trí từ 80 trở lên, trừ vốn con người và nghiên cứu với một số năm có thứ tự thấp hơn 70. Trong trụ cột về thể chế, cấu phần kém nhất là môi trường kinh doanh, với hai chỉ tiêu là mức độ thuận lợi khi bắt đầu doanh nghiệp và khi giải thể doanh nghiệp, các chỉ tiêu này luôn xếp ở thứ hạng trên 80. Các chỉ tiêu này lấy từ chỉ số thuận lợi hóa kinh doanh của Ngân hàng Thế giới. Thực tế, đây đúng là các chỉ tiêu, Việt Nam kém hơn các chỉ tiêu khác trong các chỉ tiêu về môi trường kinh doanh. Tính tuân tự của các thủ tục khi thành lập doanh nghiệp và các quy định không rõ ràng về giải thể là các điểm hạn chế liên quan đến môi trường kinh doanh ở Việt Nam. Với trụ cột vốn con người và nghiên cứu, điểm yếu là cấu phần về giáo dục đại học với tỷ lệ nhập học và tỷ lệ sinh viên nước ngoài thấp, các chỉ tiêu này cũng thường xuyên xếp thứ tự trên 80. Trong khi đó, các chỉ tiêu hạn chế liên quan đến cơ sở hạ tầng là tiếp cận công nghệ thông tin và tính bền vững của hệ sinh thái.

Các trụ cột có thứ hạng tốt hơn liên quan đến mức độ tinh thông của thị trường và doanh nghiệp. Với mức độ tinh thông của thị trường, cả hai trụ cột về tiếp cận tín dụng và thương mại, đa dạng hóa và quy mô thị trường đều có thứ hạng rất tốt. Xếp hạng về tiếp cận tín dụng luôn trong 20 nền kinh tế tốt nhất. Trong khi đó, nhóm về thương mại, đa dạng hóa và quy mô thị trường có sự cải thiện nhanh, mặc dù đã có xếp hạng tương đối tốt vào các năm trước đây. Thứ tự tăng từ 44 năm 2016 lên 15 năm 2021. Điều này là do cả ba chỉ tiêu trong nhóm này đều được thay đổi theo hướng tích cực (theo cách đo của GII). Thứ nhất, Việt Nam đã giảm mạnh thuế nhập khẩu hàng hóa theo các hiệp định thương mại. Thứ hai, nền kinh tế Việt Nam khá đa dạng do sự hiện diện đáng kể của các doanh nghiệp FDI. Thứ ba, tốc độ tăng trưởng GDP tốt dẫn đến quy mô thị trường ngày càng tăng.

Về mức độ tinh thông của doanh nghiệp. Việt Nam không có sự cải thiện rõ ràng. Tuy vậy, vị trí của Việt Nam ở mức tương đối tốt từ năm 2012.

Điều này, một lần nữa là do sự hiện diện đáng kể của các doanh nghiệp FDI với cơ cấu lao động và hoạt động xuất nhập khẩu tương đối tốt. Cá biệt, có những chỉ tiêu, Việt Nam đứng đầu trong các nền kinh tế được xếp hạng như chỉ tiêu về tỉ lệ nhập khẩu hàng công nghệ cao trong tổng xuất nhập khẩu. Việt Nam đứng thứ nhất vào năm 2019 và thứ ba năm 2021. Điều này là do vai trò rất lớn Samsung hay LG với xuất nhập khẩu chiếm tỷ trọng đáng kể tổng giá trị xuất nhập khẩu của nền kinh tế.

Các trụ cột đầu ra, bao gồm đầu ra tri thức và công nghệ và đầu ra sáng tạo. Đầu ra tri thức và công nghệ, đo lường các khía cạnh như sáng tạo tri thức với các bài báo khoa học hay phát minh, sáng chế, độc quyền sở hữu trí tuệ; tác động tri thức bao gồm các vấn đề về tăng năng suất lao động, mức độ đạt được chứng chỉ ISO và tỷ lệ chế biến, chế tạo công nghệ cao; lan quả tri thức đo lường các khía cạnh về tiền bản quyền sở hữu trí tuệ, mức độ phức tạp của sản xuất và xuất khẩu và tỷ lệ xuất khẩu hàng công nghệ cao và ITC. Biến động xếp hạng của Việt Nam trong đầu ra này có xu hướng cải thiện nhưng không bền vững. Nhìn chung, Việt Nam luôn có thứ hạng tương đối tốt về trụ cột này, có hai năm là 2017 và 2019, Việt Nam đã được xếp thứ 5 về trụ cột này. Một lần nữa, các doanh nghiệp FDI nói chung và trong lĩnh vực điện tử nói riêng đóng vai trò quan trọng về thứ hạng này của Việt Nam. Tuy nhiên, các chỉ tiêu liên quan đến sở hữu trí tuệ bao gồm cả đăng ký và doanh thu đều ở mức thấp. Các chỉ tiêu này đã làm giảm xếp hạng trụ cột đầu ra tri thức và công nghệ của Việt Nam.

Việt Nam có thành tích tương đối tốt về trụ cột đầu ra sáng tạo. Các chỉ tiêu có thứ hạng tốt bao gồm số thương hiệu nói chung cũng như số thương hiệu trong 5000 thương hiệu hàng đầu hay số ứng dụng điện thoại di động. Các chỉ tiêu này đều có thứ hạng tốt dẫn đến thứ hạng tương đối tốt về trụ cột đầu ra sáng tạo của Việt Nam. Tuy nhiên, xuất khẩu dịch vụ văn hóa và sáng tạo hay số phim hàng năm là các chỉ tiêu có thứ hạng kém. Các chỉ tiêu này đều cách xa so với thứ hạng của trụ cột này và dẫn đến đã làm giảm đáng kể thứ hạng của trụ cột đầu ra sáng tạo của Việt Nam.

4. Kết luận

Việt Nam thể hiện sự vượt trội về thứ hạng trong CSDMSTTC. Năm 2012, Việt Nam đã có thứ hạng tốt về CSDMSTTC so với mức thu nhập bình quân đầu người của nền kinh tế. Đồng thời, Việt Nam tiếp tục cải thiện thứ hạng của mình qua thời gian, đặc biệt là giai đoạn 2014-2017. Điều này dẫn đến Việt Nam thể hiện vượt trội về CSDMSTTC trong các nước có mức thu nhập trung bình thấp. Trong giai đoạn 2019-2021, Việt Nam đứng đầu nhóm nước có mức thu nhập trung bình thấp. Trong khu vực Đông Nam

Á, có những năm nhất định, Việt Nam đã vượt Thailand để đứng thứ 3 khu vực về CSDMSTTC.

Kể từ năm 2019, Việt Nam đã không tiếp tục cải thiện được thứ hạng của mình mà còn có xu hướng thụt lùi. Xếp hạng về tiểu chỉ tiêu đầu vào vẫn có xu hướng cải thiện nhưng xếp hạng tiểu chỉ tiêu đầu ra có biến động theo xu hướng kém tích cực. Điều này cho thấy Việt Nam cần quan tâm đến hiệu quả đổi mới sáng tạo của nền kinh tế để duy trì vị trí của mình.

Trong các trụ cột đầu vào, thể chế, cơ sở hạ tầng, và vốn con người và nghiên cứu là các trụ cột có xếp hạng kém tích cực với thứ hạng đa phần trên 80 ở hầu hết các năm. Các chỉ tiêu là điểm yếu trong các trụ cột này là thủ tục thành lập và giải thể doanh nghiệp (với trụ cột thể chế); giáo dục đại học (với trụ cột về vốn con người và nghiên cứu); và tiếp cận công nghệ thông tin và tính bền vững của hệ sinh thái (với trụ cột về cơ sở hạ tầng). Đây là các vấn đề Việt Nam cần đặt trọng tâm để cải thiện nhằm tăng cường thứ hạng về các trụ cột đầu vào.

Về các trụ cột đầu ra, Việt Nam đã thể hiện tương đối tốt, cả về đầu ra tri thức và công nghệ với vai trò quan trọng của các doanh nghiệp FDI và sự phát triển về các ứng dụng điện thoại. Tuy nhiên, các chỉ tiêu liên quan đến sở hữu trí tuệ hay xuất khẩu dịch vụ ITC và văn hóa ở mức thấp làm giảm thứ hạng của Việt Nam ở các trụ cột này./.

Tài liệu tham khảo

Cornell University, INSEAD, và WIPO (2019), The Global Innovation Index 2019: Creating Healthy Lives—The Future of Medical Innovation. Ithaca, Fontainebleau, và Geneva.

Cornell University, INSEAD, và WIPO (2020), The Global Innovation Index 2020: Who Will Finance Innovation?. Ithaca, Fontainebleau, và Geneva.

INSEAD và WIPO (2012), The Global Innovation Index 2012: Stronger Innovation Linkages for Global Growth. Fontainebleau và Geneva.

OECD/Eurostat (2018). Oslo Manual 2018: Guidelines for Collecting, Reporting and Using Data on Innovation, 4th Edition, The Measurement of Scientific, Technological and Innovation Activities, OECD Publishing, Paris/Eurostat, Luxembourg.

WIPO (2021), Global Innovation Index 2021: Tracking Innovation through the COVID-19 Crisis. Geneva: World Intellectual Property Organization.

WIPO (2022), Global Innovation Index 2022: What is the future of innovation-driven growth? Geneva: World Intellectual Property Organization. DOI 10.34667/tind.46596.